TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2022/DS-PT
Ngày: 29/6/2022.
V/v tranh chấp: "Hủy kết quả bán đấu giá tài sản và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hậu Mộng Thúy, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hủy kết quả bán đấu giá tài sản; Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình"*;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 121/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐ-PT ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn V, sinh năm 1981; (chết ngày 06/4/2020)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

**. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Lê Văn V:*
Lê Văn T, sinh năm 1955; (có văn bản xin vắng mặt)
Trương Thị T, sinh năm 1955; (có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị Mộng T, sinh năm 1987; (có văn bản ủy quyền)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Quốc V, sinh năm 1988; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị Đ (D), sinh năm 1979; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị D, sinh năm 1984; (có văn bản ủy quyền)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị Đ1, sinh năm 1977; (có văn bản ủy quyền)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Văn D, sinh năm 1990; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

**. Người đại diện theo ủy quyền của Lê Thị Mộng T, Lê Thị D, Lê Thị Đ1:* Lê Quốc V, sinh năm 1988; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Văn T, sinh năm 1955; (có văn bản xin vắng mặt)
Trương Thị T, sinh năm 1955; (có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P;
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chi cục trưởng;
Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Ngọc T - Chấp hành viên; (có mặt)
Địa chỉ: Khu M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bán đấu giá tài sản Hoàng V;
Đại diện theo pháp luật: Trần Hoàng V – Chức vụ: Giám đốc; (vắng mặt)
Địa chỉ: phường N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Đoàn Thị T, sinh năm 1953; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1941; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Văn N, sinh năm 1955; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Thị C, sinh năm 1953; (có văn bản xin vắng mặt)
Lê Thanh V, sinh năm 1985; (có mặt)
Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1986; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Văn C, sinh năm 1970; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Minh Đ, sinh 1986; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Lê Quốc V, Lê Thị Mộng T, Lê Thị D, Lê Thị Đ1, Lê Thị Đ (D);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các nguyên đơn trình bày: Ông Lê Văn T và bà Trương Thị T là cha mẹ ruột của các nguyên đơn. Hộ gia đình nguyên đơn có thửa đất số 406, tờ bản đồ TTC3, diện tích 13.523m^2 tại ấp M, xã N, huyện P,

tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn T đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2008. Nguồn gốc đất do ông bà nội để lại. Ngày 13/6/2013 Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P ra quyết định số 02/QĐ-CCTHA đưa tài sản trên ra kê biên bán đấu giá để đảm bảo thi hành án. Các nguyên đơn đã khiếu nại nên Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P đã ra quyết định số 07/QĐ- CCTHA ngày 10/6/2013 thu hồi quyết định 02/QĐ-CCTHA. Do đó các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 18/3/2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ bán đấu giá Hoàng V;

Hủy hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 10/2013/ HĐMBTS.BĐG ngày 01/4/2013 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và bán đấu giá Hoàng V và bà Đoàn Thị T;

Chia tài sản chung trong hộ gia đình là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ TTC3, diện tích 13.523m^2 tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn T đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2008, chia làm 09 phần, mỗi người hưởng 01 phần là 1.502,55m^2. Yêu cầu nhận bằng hiện vật là đất.

Bị đơn ông Lê Văn T, bà Trương Thị T trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của các nguyên đơn. Hộ gia đình ông bà có thửa đất số 406, tờ bản đồ TTC3, diện tích 13.523m^2 tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do ông đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2008. Nguồn gốc đất do cha mẹ ông để lại. Do việc làm ăn thua lỗ, thiếu nợ và bị khởi kiện ra Tòa án. Do ông bà không có tài sản để trả nợ nên Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P đã kê biên tài sản là 11.103,8m^2 trong diện tích 13.523m^2 nói trên để kê biên, bán đấu giá đảm bảo thi hành án. Việc Chi cục thi hành án kê biên tài sản chung trong hộ gia đình không có sự đồng ý của các con ông bà là không đúng. Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình, xem xét công sức đóng góp của các nguyên đơn để chia. Ông bà cũng đồng ý với yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 18/3/2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ bán đấu giá Hoàng V và hủy hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 10/2013/ HĐMBTS.BĐG ngày 01/4/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn và dịch vụ bán đấu giá Hoàng V và bà Đoàn Thị T. Vì việc kê biên đấu giá này ông bà thừa nhận là đã đồng ý kê biên bán đấu giá khi chưa thông qua ý kiến các con là thành viên trong hộ gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đoàn Thị T trình bày: Ngày 18/3/2013 tại văn phòng Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và bán đấu giá Hoàng V tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại ấp M, xã N do ông Lê Văn T đứng tên, diện tích là 11.103,8m^2. Bà tham gia đấu giá và đã mua được với giá là

1.304.500.000đồng. Bà là người đại diện cho ba người mà ông T, bà T nợ là Lê Văn N, Lê Thị C, Nguyễn Thị Ng. Ông T, bà T nợ bà và 03 người trên tổng cộng là 235 chỉ vàng 24Kr và 06 triệu đồng. Thời điểm giá vàng 2013 là 40.500.000đồng/10 chỉ. Quy ra tiền là hơn 900.000.000đồng, bà cùng các chủ nợ trên phải nộp thêm gần 400.000.000đồng nữa. Ngày 21/5/2013 Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P thông báo sẽ giao phần đất trên cho bà nhưng đến nay chưa thực hiện. Theo bà biết phần đất trên là của ông C, bà N (cha mẹ ông T) chết để lại cho ông T từ rất lâu, khi các con ông T còn nhỏ. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các con ông T vì lúc mượn tiền vàng là để canh tác nuôi các con khi các con còn nhỏ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết đúng quy định pháp luật.

Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P trình bày: Việc kê biên và bán đấu giá diện tích đất 11.103,8m^2 trong diện tích 13.523m^2 của thửa 406 tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang của ông Lê Văn T, bà Trương Thị T là phù hợp quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Khi thực hiện việc kê biên có thông báo cho các thành viên trong hộ ông T biết nhưng không ai có ý kiến.

Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và bán đấu giá tài sản, đại diện theo pháp luật ông Hoàng V trình bày: Trên cơ sở quy định pháp luật về bán đấu giá tài sản, công ty có ký hợp đồng với Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P thực hiện bán tài sản kê biên để thi hành án của ông T, bà T đối với diện tích đất 11.103,8m^2 và cây trồng trên đất tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang với giá khởi điểm là 1.294.494.300đồng. Các bước về trình tự bán đấu giá được thực hiện đảm bảo đúng và đầy đủ từ giai đoạn ký hợp đồng, thông báo, niêm yết văn bản liên quan bán đấu giá.... Tại phiên đấu giá ngày 18/3/2013 đảm bảo đủ thành phần tham dự. Kết quả bà T là người mua trúng đấu giá với giá là 1.304.500.000đồng. Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P và công ty đã thanh lý xong hợp đồng. Công ty đã kiểm tra, đối chiếu thông tin về quyền được bán tài sản, kiểm tra các bằng chứng chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền được bán tài sản theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về bằng chứng đó của người có tài sản đấu giá cung cấp. Việc xác định, phân chia tài sản chung của hộ gia đình, yêu cầu hủy hợp đồng mua bán không thuộc thẩm quyền, công ty không có ý kiến.

Lê Văn N trình bày: Trước đây ông T, bà T có thiếu tiền vàng của ông, ông làm đơn yêu cầu thi hành án và đã thi hành kê biên đấu giá 11.103,8m^2 nằm trong thửa 406, diện tích 13.523m^2 của ông T. Ông cùng với 03 chủ nợ khác lập hợp đồng bán phần đất đấu giá trên cho anh Lê Văn V với giá 1.000.000.000đồng. Anh V đưa trước 500.000.000đồng, hiện số tiền đã nộp cho Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P. Ông không đồng ý yêu cầu của các nguyên đơn.

Bà Lê Thị C trình bày: Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Trước đây ông T, bà T có thiếu tiền vàng của bà, bà làm đơn yêu cầu thi hành án và đã thi hành kê biên đấu giá 11.103,8m^2

nằm trong thửa 406, diện tích 13.523m^2 của ông T. Bà cùng với 03 chủ nợ khác lập hợp đồng bán phần đất đấu giá trên cho anh Lê Văn V với giá 1.000.000.000đồng. Anh V đưa trước 500.000.000đồng, hiện số tiền đã nộp cho Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P. Bà không đồng ý yêu cầu của các nguyên đơn.

Anh Lê Thanh V, chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Anh chị yêu cầu bà T giao phần đất đã bán cho vợ chồng anh.

Anh Lê Minh Đ trình bày: Khoảng 10 năm trước anh có nhận chuyển nhượng khoảng 500m^2 vườn, phần đuôi phía sau của thửa đất 406, tờ bản đồ TTC3, diện tích 13.523m^2 của ông T, việc chuyển nhượng mới lập hợp đồng tay, có gia đình ông T đồng ý ký tên. Hiện anh đang giữ giấy mua bán và canh tác đất. Phần đất chuyển nhượng anh vẫn làm, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Ông Lê Văn C trình bày: Trước đây ông có đăng ký hộ khẩu trong hộ ông T tên là Lê Văn C, sinh năm 1974. Sau khi tách hộ khẩu ông làm giấy tờ đổi lại là Lê Văn C, sinh năm 1970. Ông chỉ đứng tên trong hộ khẩu còn đất canh tác ông được ông bà nội cho riêng không liên quan đến đất tranh chấp. Phần đất tranh chấp không liên quan đến ông, trong hộ khẩu ông T trước giờ chỉ có ông Tn Lê Văn C thôi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào các điều 26, 35, 147, 226, 227, 228, 259 Bộ luật Tố tụng Dân Sự; Điều 102 Luật Thi hành án Dân Sự đươc sửa đổi, bổ sung năm 2015; Điều 102, 212 Bộ luật Dân Sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Lê Văn V, Lê Văn D, Lê Quốc V, Lê Thị Mộng T, Lê Thị Đ (D), Lê Thị D, Lê Thị Đ1 yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 18/3/2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng V; hủy hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 10/2013/HĐMBTS.BĐG ngày 01/4/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng V và bà Đoàn Thị T; Yêu cầu chia tài sản chung trong hộ gia đình là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ TTC3, diện tích 13.623m^2 tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang do ông Lê Văn T đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/6/2008, chia làm 09 phần, mỗi người hưởng 01 phần là 1.502,55m^2.

Về án phí: Chị Lê Thị Đ1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 03906 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng (biên lai ghi địa chỉ chị Đ1 là ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang).

Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 03907 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng (biên lai ghi địa chỉ chị D là ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang).

Chị Lê Thị Đ (D) phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 03908 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng.

Chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 03909 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng.

Anh Lê Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 039010 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng.

Anh Lê Quốc V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 039011 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng.

Anh Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 1.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 039012 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được hoàn lại 1.450.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/01/2022, nguyên đơn Lê Quốc V, Lê Thị Mộng T, Lê Thị D, Lê Thị Đ1, Lê Thị Đ (D) kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của Lê Thị Mộng T, Lê Thị D, Lê Thị Đ1 là anh Lê Quốc V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn cho rằng Chi cục Thi hành án huyện P đã vi phạm trong việc thông báo các thành viên trong hộ của ông T, bà T và việc điều tra tài sản là quyền sử dụng đất cấp cho hộ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa bản án dân sự sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Hủy kết quả bán đấu giá tài sản và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình"* được quy định tại khoản 13 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự; Điều 212 của Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 06/01/2022 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của nguyên đơn Lê Quốc V, Lê Thị Mộng T, Lê Thị D, Lê Thị Đ1, Lê Thị Đ (D) thì các nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nhưng các đương sự có văn bản xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoàng V vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt các đương sự có văn bản xin vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoàng V;

Đối với chị Lê Thị Đ (D) là nguyên đơn trong vụ án có kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn T, bà Trương Thị T nên Tòa án cấp phúc thẩm đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, bà T. Ông T, bà T có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét kháng cáo của chị Đ (D) theo quy định;

Người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn chị Lê Thị Diễm theo giấy chứng minh nhân dân là Lê Thị Đ hay còn tên thường gọi là Diễm cùng là một người. Từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và lời trình bày của các nguyên đơn cũng thì Lê Thị Đ là người bị hạn chế về mặt nhận thức nhưng trong đơn khởi kiện thì chị Đ là người ký tên, trong hồ sơ vụ án cũng không có bản án, hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố chị Đ là người hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông T, bà T là người đại diện theo pháp luật là không đúng nên điều chỉnh cho phù hợp;

Anh Lê Văn V là nguyên đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án thì anh V chết, anh V không có vợ con nên hàng thừa kế thứ nhất là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh V trong tố tụng. Ông Lê Văn T, bà Trương Thị T là cha, mẹ ruột nên là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh V trong tố tụng;

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn về việc yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì:

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 18/3/2013, của Công ty Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và bán đấu giá tài sản Hoàng V, hủy hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 10/2013/HĐMBTS.BĐG ngày 01/4/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ và bán đấu giá tài sản Hoàng V và bà Đoàn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 thì "*Người có tài sản đấu giá là chủ sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu ủy quyền bán tài sản, người có trách nhiệm chuyển giao tài sản để bán đấu giá hoặc cá nhân, tổ chức có quyền bán đấu giá tài sản người khác theo quy định của pháp luật*".

Vì thế chủ thể tham gia là người có tài sản hoặc có quyền đưa tài sản ra bán đấu giá và người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá theo quy định pháp luật cho nên những chủ thể này mới phát sinh quyền, nghĩa vụ liên quan đến kết quả bán đấu giá và có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả bán đấu giá nếu cho rằng có vi phạm trong quá trình bán đấu giá;

Do đó, các nguyên đơn trong vụ án không phải là người có tài sản đấu giá, người có quyền đưa tài sản ra đấu giá và không tham gia đấu giá. Đồng thời tại Điều 102 Luật Thi hành án Dân Sự quy định chỉ có người mua được tài sản bán đấu giá và chấp hành viên mới có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản;

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các nguyên đơn không có quyền khởi kiện là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân Sự và điểm c khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân Sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không đúng nên phải đình chỉ đối với yêu cầu này của các nguyên đơn.

[2.2]. Đối với yêu cầu chia tài sản chung trong hộ gia đình là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 406, tờ bản đồ TTC3, diện tích 13.523m^2 tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc đất do cụ Lê Văn C và Huỳnh Thị N để lại thừa kế cho ông T, bà T. Căn cứ hồ sơ xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện ông T được xét duyệt cấp đất theo dạng hưởng thừa kế;

Căn cứ Điều 76 Luật đất đai năm 1993 thì cá nhân, hộ gia đình được giao đất nông nghiệp, trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp để trồng rừng, đất ở sau khi chết quyền sử dụng đất của họ được để lại cho những người thừa kế theo quy định pháp luật thừa kế. Theo quy định tại Điều 638 Bộ luật Dân Sự năm 1995 thì người thừa kế phải là cá nhân còn sống vào thời điểm mở thừa kế;

Căn cứ công văn số 1349/UBND-NC ngày 04/6/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện Cái Bè xác định *" ... tại thời điểm hộ ông Lê Văn T được cấp giấy GCN-QSDĐ lần đầu ngày 30/3/1999 là căn cứ theo Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính để cấp, ..."*;

Căn cứ công văn số 1058/CV-BCĐ ngày 25/5/2015 của Ban chỉ đạo Thi hành án Dân Sự huyện P trả lời khiếu nại của các nguyên đơn đã xác định nguồn gốc đất của ông T là nhận thừa kế từ ông Lê Văn C và bà Huỳnh Thị N. Tại thời điểm nhận thừa kế các con ông T còn nhỏ, không có công sức đóng góp. Tại thời điểm thi hành án một số thành viên chung hộ ông T không có mặt tại nhà, người đi làm xa, người đi học, người bị bệnh, người sống bên gia đình chồng....;

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của hộ gia đình của các đồng nguyên đơn là có căn cứ;

Các nguyên đơn anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị Đ (D), chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1 kháng cáo không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1, chị Lê Thị Đ (D), sửa bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí dân sự sơ thẩm không đúng quy định nên cần điều chỉnh cho phù hợp;

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1, chị Lê Thị Đ (D) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định;

Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận;

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng các điều 102, 212 Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ Điều 102 Luật Thi hành án Dân Sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân Sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1, chị Lê Thị Đ (D); Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 121/2021/DS-ST ngày 27/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Lê Văn V (người kế thừa quyền và nghĩa vụ anh V là ông Lê Văn T, bà Trương Thị T), anh Lê Văn D, anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị Đ (D), chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1 về việc chia tài sản chung trong hộ gia đình là quyền sử dụng đất.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Lê Văn V (người kế thừa quyền và nghĩa vụ anh V là ông Lê Văn T, bà Trương Thị T), anh Lê Văn D, anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị Đ (D), chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1 về việc hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 18/3/2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng V và Hủy hợp đồng mua bán đấu giá tài sản số 10/2013/ HĐMBTS.BĐG ngày 01/4/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng V và bà Đoàn Thị T;

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn V (người kế thừa quyền và nghĩa vụ anh V là ông Lê Văn T, bà Trương Thị T), anh Lê Văn D, anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị Đ (D), chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1 là không được quyền khởi kiện lại một phần yêu cầu khởi kiện theo khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Đ1, chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ (D), chị Lê Thị Mộng T, anh Lê Quốc V, anh Lê Văn D mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đ1, chị D, chị Đ (D), chị T, anh V, anh D mỗi người đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 03906, 03907, 03908, 03909, 039011, 039012, ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được trả lại cho chị Đ1, chị D, chị Đ (D), chị T, anh V, anh D mỗi người 1.550.000 đồng;

Anh Lê Văn V (người kế thừa quyền và nghĩa vụ anh V là ông Lê Văn T, bà Trương Thị T) phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh V đã nộp 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 039010 ngày 10/7/2015 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P nên được trả lại 1.550.000đồng cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ anh V là ông Lê Văn T, bà Trương Thị T;

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Quốc V, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị Đ (D), chị Lê Thị D, chị Lê Thị Đ1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà anh V, chị T, chị Đ (D), chị D, chị Đ1 mỗi người đã nộp là 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0001160, 0001161, 0001162, 0001163, 0001164, ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân Sự huyện P.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân Sự thì người được Thi hành án Dân Sự, người phải Thi hành án Dân Sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân Sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân Sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 50 phút ngày 29/6/2022, có mặt anh Lê Quốc V, anh Lê Thanh V, chị Nguyễn Thị Phương T.

***. Nơi nhận**:*
-TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu